

**ỦY BAN DÂN TỘC**  
Số: **338**/QĐ-UBDT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **20** tháng **5** năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng**  
**tài sản công cơ quan Ủy ban Dân tộc**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;*

*Căn cứ vào Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29/3/2016 Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.*

*Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư 24/2019/TT-BTC ngày 22/04/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư 29/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;


Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban Dân tộc.


### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công cơ quan Ủy ban Dân tộc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung về quản lý và sử dụng tài sản công được quy định tại Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 31/5/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban, Thủ trưởng các vụ, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các đ/c TT, PCN UBND;
- Các vụ, đơn vị thuộc UBND;
- Lưu: VT, VP. 

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Nông Quốc Tuấn**



**ỦY BAN DÂN TỘC      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ**

**Quản lý, sử dụng tài sản công cơ quan Ủy ban Dân tộc**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số **338**/QĐ-UBND ngày **20** tháng **5** năm 2022  
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về chế độ quản lý và sử dụng tài sản công cơ quan Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi chung là Ủy ban).

2. Đối tượng áp dụng:

- Các vụ, đơn vị được giao quản lý và sử dụng tài sản công của Ủy ban Dân tộc (sau đây gọi chung là các đơn vị).

- Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Ủy ban có liên quan đến tài sản do Văn phòng Ủy ban quản lý.

**Điều 2. Tài sản công cơ quan Ủy ban**

Tài sản công quy định trong quy chế này là tài sản do Nhà nước giao cho cơ quan Ủy ban quản lý sử dụng, do đầu tư xây dựng, mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng, đóng góp hoặc được hình thành từ các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác cho cơ quan Ủy ban, bao gồm:

1. Trụ sở cơ quan Ủy ban: Gồm đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan Ủy ban.

2. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác.

3. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

4. Trang thiết bị

a) Trang thiết bị làm việc: Bàn ghế ngồi làm việc, tủ đựng tài liệu, tủ trưng bày, giá đựng công văn, giá đựng tài liệu, bộ bàn ghế họp, hội trường, tiếp khách, tiếp dân; máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy in, máy quét, máy fax, máy photocopy, máy hủy tài liệu; máy chiếu, màn chiếu, thiết bị trang âm; điện thoại, thiết bị kết nối internet...